

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/09/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD4+TD5	7:25	2+19+0	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
2		TT C2+P7+TD2	9:25	4+15	0+0		0+21	0+0	
3		HST+TGTH4+AMD	12:25	2+4+12	0+0+0		0+0+5	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/09/2022	TO: TD2 - TD1 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUSTAVOV V.S	TD2	54	1	8	60	115	D-HANH	Russian
2	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	61	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ SĨ HOÀI THANH	TD2	44-45	2	15		63	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	55	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH DUY HAI	TD2	60	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
6	HA VĂN LINH	TD2	65	1	10		91	KHOAN	Vietnamese
7	GONCHAROV SERGEY	TD2	58	1	10		99	KHOAN	Russian
8	BUI QUỐC VIỆT	TD2	49-50	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ NGỌC THAI SƠN	TD2	67	1	12	49	70	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	TD2	47-48	2	7		86	CODIEN	Vietnamese
11	TRỊNH NGỌC TỬ	TD2	46	1	8		75	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	TD2	52	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
13	LÊ VĂN NAM	TD2	59	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ THẬP TOÀN	TD2					66	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ ĐỨC THANH	TD2	57	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ MINH ĐỨC	TD2	56	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	53	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH VĂN HUÂN	TD2	51	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	66	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN BAO	TD1	13-14	2	18		64	ANTOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TÙNG	TD1	84,68	2	22		71	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	21	144	1.449	109	8		
2	TD1	2	4	40	135	0	0		
3	TD5	0	0	0	0	50	14		
TOTAL		21	25	184	1.584	159	22		
WEIGHT KG				184	1.584	159			

GRAND TOAL: 1.927 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	TO: TTC2 - P7 - TD2	CREW: VThắng - NPhú - PTUẤN	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE XUAN TRUNG	TTC2	49-50	2	25	30	85	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN THANH HOANG	TTC2	700	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN DUY LONG	TTC2	51-52	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN LOI	TTC2	47-48	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
5	HÔ NGỌC BÈN	P7	42	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ MINH HOANG	P7	45	1	17		77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN LÊ CHIẾN	P7	43-44	2	20		87	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN AN NINH	P7	41	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN TÀI	TD2	76	1	3	40	51	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	82	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN MINH	TD2	38	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÀO VĂN MINH	TD2	75	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	79-81	3	19		62	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN TUẤN ANH	TD2	73	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
15	HÀ MẠNH HOANG	TD2	41	1	8		76	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD2	77-78	2	15		97	CODIEN	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN GIANG	TD2	84	1	8		74	CODIEN	Vietnamese
18	ĐỖ TRỌNG HAI	TD2	72,43	2	20		79	YTE	Vietnamese
19	HOÀNG MẠNH HÙNG	TD2	74	1	5		85	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN HỮU THƯỜNG	TD2	42	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
21	ĐỖ XUÂN HẬU	TD2	85	1	5		66	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC CHU	TD2	83	1	9		75	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

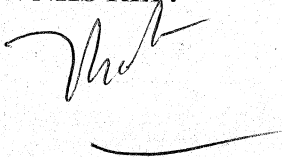
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	7	53	270	30	0		
2	P7	4	5	64	310	0	1		
3	TD2	14	18	120	1.016	40	21		
TOTAL		22	30	237	1.596	70	22		
WEIGHT KG				237	1.596	70			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 12:45
FLIGHT: 3	TO: HST - TGTH4 - AMD	CREW: CÔNG - ATUÂN	ETA: 14:35
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CÔNG ĐỨC MINH TRÍ	HST	27	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG HO NGHIA	HST	26,28	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
3	VI TRẦN TÂN THUAN	TGTH4	47-48	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VAN HUONG	TGTH4	51-52	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUNG HIEU	TGTH4	49-50	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUY	TGTH4	46	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
7	DUƠNG MẠNH PHÚ	AMD	03	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LUONG	AMD	99,700	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN DUC QUAN	AMD	09-10	2	9		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN CONG THANH	AMD	05-06	2	15	45	67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN DINH HIỂU	AMD	98	1	5	20	74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HONG LINH	AMD	08	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO DUC HUY	AMD	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THANH HUNG	AMD	07	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
15	HUỖNH PHÚC ẨM	AMD	02	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THE HUY	AMD	96-97	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN PHUONG	AMD	11-13	3	18		68	KH-THAC	Vietnamese
18	LE HỒNG THAI	AMD	04	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	2	3	20	147	0	0		ĐÓN FO
2	TGTH4	4	7	48	270	0	0		
3	AMD	12	18	110	830	65	6		
TOTAL		18	28	178	1.247	65	6		
WEIGHT KG				178	1.247	65			

GRAND TOAL: 1.490 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/09/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+TD5	7:25	22+0	0+0		13+9	0+0	
2		BK10+P11+P9	7:25	6+7+9	0+0+0		4+2+16	0+0+0	
3		BK3+TD5+P3	7:25	7+13+2	0+0+0		4+15+3	0+0+0	
4		P10+CLO+TD1	7:25	7+14+1	0+0+0		3+17+2	0+0+0	
5		TD1+P1+BK15	9:25	13+2+7	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
6		P5+MRM	9:25	14+8	0+0		11+11	0+0	
7		P10+RP3	9:25	20+1	0+0		18+4	0+0	
8		BK8+BK4+P2	11:25	3+4+14	0+0+0		1+4+16	0+0+0	
9		P3+P8+P11	11:25	10+9+1	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
10		P6+BK19+P9	11:25	1+0+18	0+0+0		1+0+21	0+0+0	CHUYEN 3 P6-BK19

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ đi VỀ TRONG NGÀY p2-2NG, p11-6NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2022	TO: P2 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH VAN ĐÔNG	P2	70,03	2	9	120	55	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN CHI HIẾU	P2	51	1	9		70	PSV	Vietnamese
3	HOANG QUỐC LONG	P2	02	1	5		57	PSV	Vietnamese
4	VELT ANTON	P2	64-65	2	15		80	D-HANH	Russian
5	LORENZ ZACHARIA GREGORY	P2	66-68	3	25		90	D-HANH	American
6	HỒ CÔNG ANH	P2	55	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRI HAO	P2	48	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
8	BIÊN ĐĂNG SÂM	P2	01	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ ĐỨC MINH	P2	49	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN TỰ	P2	59	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ HỮU LINH	P2	47	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	60-61	2	15		81	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUYẾT CHIẾN	P2	54	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	P2	56-57	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	52	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	63	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THIÊN NAM	P2	62	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI HOANG TÂM	P2	53	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	58	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	69	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	27	170	1.548	120	12		
2	TD5	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	27	170	1.548	120	22		
WEIGHT KG				170	1.548	120			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: BK10 - P11 - P9	CREW: HUNG - ĐNam - DTùng	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI CAO DINH	BK10	04	1	5		60	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HONG	BK10	03	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN CONG HOAN	BK10	08	1	4	25	70	KH-THAC	Vietnamese
4	DO TUAN VIET	BK10	01	1	5	49	67	KH-THAC	Vietnamese
5	CAO KINH THAO	BK10	02	1	13		70	T-TIN	Vietnamese
6	NGUYEN HUU DUC	BK10	09-10	2	10		67	T-TIN	Vietnamese
7	LE HONG DAI	P11	18	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
8	HOANG ANH TU	P11	17	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
9	DINH VAN THANH	P11	20	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU MINH HUNG	P11	19	1	3	30	80	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN KHOA TRUONG	P11	44	1	5		70	NIPI	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN THANG	P11					65	NIPI	Vietnamese
13	BUI HONG THAI	P11					63	NHATHAU	Vietnamese
14	HOANG MINH TAN	P9	89-90	2	15		80	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG TAM	P9	97	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN NGOC DO	P9	91	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	DO MINH HOI	P9	92	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	LE VAN DUC	P9	93	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN HOANG	P9	94-95	2	15	45	71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN BA KY	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN THANH HOAI	P9	96	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN LAP	P9	98	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

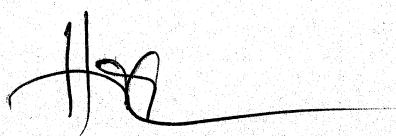
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	6	7	46	404	74	4		
2	P11	7	5	24	498	30	1		
3	P9	9	10	60	654	45	17		
TOTAL		22	22	130	1.556	149	22		
WEIGHT KG				130	1.556	149			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

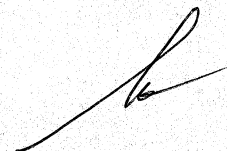
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/09/2022	TO: BK3 - TD5 - P3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Dương - CHIẾN - N.Nam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	54	1	4	30	58	PSV	Vietnamese
2	THAI HAI HA	BK3	50	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
3	LE CÔNG VINH	BK3	49	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CHAU NAM	BK3	52	1	13		89	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRẦN VIỆT	BK3	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC TUẤN	BK3	55-56	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ HOANG NAM	BK3	51	1	14		76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	36	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
9	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	34	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
10	TU ĐƯƠNG DUNG	TD5	38	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	CAO ĐỨC HAI	TD5	32	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD5	30-31	2	7		76	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN HAI	TD5	29	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN THUY	TD5	39	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	41	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	33	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VIÊN	TD5	40	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
18	LUU XUÂN HẠNH	TD5	35	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHÁT	TD5	37	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
20	TẠ QUANG THANH	TD5	48-50	3	13		65	YTE	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P3	68	1	14	60	81	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P3	67	1	17		77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

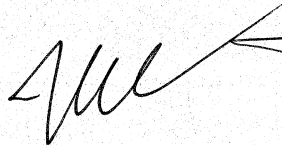
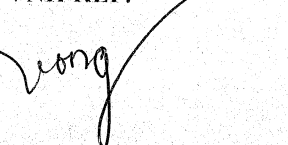
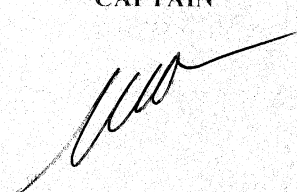
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	7	8	60	485	30	4		
2	TD5	13	16	68	940	0	14		
3	P3	2	2	31	158	60	4		
TOTAL		22	26	159	1.583	90	22		
WEIGHT KG				159	1.583	90			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/09/2022	TO: P10 - CLO - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHẢI - dũng	ETA: 09:20
TRANG-1			

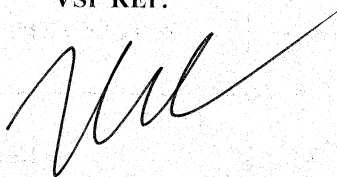
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	P10	94	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	MIRSAYAPOV RUSLAN	P10	95	1	6		105	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN CANH TÂN	P10					72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P10	97	1	5		62	PSV	Vietnamese
5	BADIKOV M.F.	P10	96	1	5		75	KH-THAC	Russian
6	TRẦN VĂN THĂNG	P10	98	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG SỸ NGỌC	P10	99	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN HUNG	CLO	01	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	02	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	86	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG THANH	CLO	03	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	87	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	04	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	65	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CHIẾN THĂNG	CLO	88	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	VU MINH TUNG	CLO	85	1	6	40	67	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN KIM HÙNG	CLO	69	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN BUI QUANG	CLO	84	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM TIẾN VINH	CLO	05	1	15		84	KHOAN	Vietnamese
20	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	81	1	10	18	64	DVL	Vietnamese
21	ĐỖ TRỌNG HIỀN	CLO	82-83	2	15		71	DVL	Vietnamese
22	BADRETDINOV EDGAR	TD1	19	1	4	60	77	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

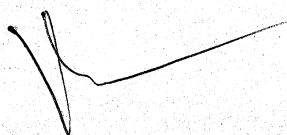
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	7	6	33	524	0	3		
2	CLO	14	15	101	1.012	58	17		
3	TD1	1	1	4	77	60	2		
TOTAL		22	22	138	1.613	118	22		
WEIGHT KG				138	1.613	118			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: TD1 - P1 - BK15	CREW: TTrung - N.ANH - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1	31	1	4	60	71	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	28	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	23	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THIỆU	TD1	24	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	26	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	30	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	32	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1					51	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	29	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG CÔNG THỊNH	TD1	33	1	12		81	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGHĨA	TD1	25	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	24	1	4		58	PSV	Vietnamese
13	HOANG XUÂN THI	TD1	34	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
14	BUI ĐỨC HẬU	P1	26	1	11	20	61	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN THAI HOA	P1	24-25	2	10	20	60	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRUNG	BK15	24	1	8	30	78	PSV	Vietnamese
17	VÕ VĂN TUÂN TỰ	BK15	22	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	VOEVODCHENKOV NIKOLAY	BK15	26	1	6		98	KH-THAC	Russian
19	LƯU TIẾN THANH	BK15	25	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH CÔNG	BK15					63	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN QUANG HOÀNG	BK15	23	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

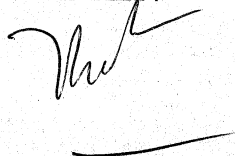
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	13	12	82	907	60	13		
2	P1	2	3	21	121	40	0		
3	BK15	6	5	37	450	30	9		
TOTAL		21	20	140	1.478	130	22		
WEIGHT KG				140	1.478	130			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/09/2022	TO: P5 - MRM	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRẦN	P5	74-99	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐẠO QUỐC HUNG	P5	83-84	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VĂN CHUNG	P5	97-98	2	15	40	50	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT DUNG	P5	96	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KIM THẠCH	P5	86-87	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC LONG	P5	95	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN TIẾN TRƯỞNG	P5	90-92	3	18		65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG AN	P5	95	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	HÀ XUÂN THANH	P5	95-96	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN MẠNH HÙNG	P5	77-78	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU TUẤN	P5	79-80	2	10		56	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH TÙNG	P5	81-82	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN TRỌNG TUẤN	P5	93-94	2	12		85	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ XUÂN TÙNG	P5	88-89	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ TRUNG SƠN	MRM	94	1	7		75	D-HANH	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THỜI	MRM	88-89	2	16		67	KHOAN	Vietnamese
17	LÀ QUÝ DANH	MRM	95	1	7		65	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG SƠN	MRM	90	1	8		72	DVL	Vietnamese
19	VÔ HỮU TÂN	MRM	96	1	9		80	DVL	Vietnamese
20	HUYNH TRONG PHUC	MRM	93	1	7		60	NHATHAU	Vietnamese
21	HOANG VAN THU	MRM	91-92	2	10		65	NHATHAU	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH HUNG	MRM	86-87	2	15		85	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	14	26	211	952	40	11		
2	MRM	8	11	79	569	0	11		
TOTAL		22	37	290	1.521	40	22		
WEIGHT KG				290	1.521	40			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

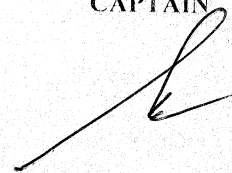
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	TO: P10 - RP3	CREW: Dương - CHIẾN - N.Nam	ETA: 11:20
VANG-2			

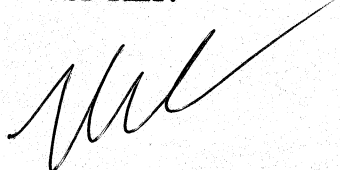
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	67	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	80	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	66	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	37	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRÌNH XUÂN QUÂN	P10	65	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	75	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TẤT THÀNH	P10	76	1	3	20	62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	72	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	73	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P10	300	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN BAO TOÀN	P10	74	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGỌC ANH	P10	79	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	34-35	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUAN	P10	68	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH CÔNG VĂN	P10	71	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HAI HÀ	P10	77-78	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	36	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN PHÚ	P10	69	1	6		80	YTE	Vietnamese
21	TRẦN THANH TÙNG	RP3	31	1	10	25	72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	20	20	119	1.448	20	18		
2	RP3	1	1	10	72	25	4		
TOTAL		21	21	129	1.520	45	22		
WEIGHT KG				129	1.520	45			

GRAND TOAL: 1.694 KGS

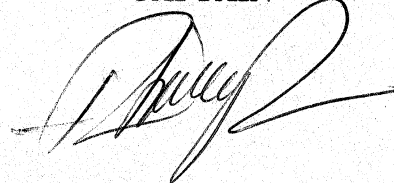
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/09/2022	TO: BK8 - BK4 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: MTHAO - VThắng -	ETA: 13:40
XANH-3		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠO ĐỨC THAI	BK8	53	1	10	15	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUY TAI	BK8	52	1	12		57	KH-THAC	Vietnamese
3	VU XUAN TAM	BK8	51	1	13		67	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	86	1	8	15	69	PSV	Vietnamese
5	VU DUY KHANH	BK4	90	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔNG TRUNG HUY	BK4	89	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG ĐAN	BK4	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC DỤC	P2				60	73	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG MINH QUÂN	P2	12	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
10	VU VĂN CUONG	P2	13	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VĂN LONG	P2	24	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HỮU KHANH	P2	23	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
13	LY HUYNH	P2	19	1	4		65	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT CUÔNG	P2	15	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	ĐO VĂN THUY	P2	22	1	6		77	KHI	Vietnamese
16	NGO SỸ PHU	P2	20-21	2	12		70	KHI	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HOANG	P2	14	1	10		75	KHI	Vietnamese
18	LE BA CUONG	P2	16	1	7		62	KHI	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN QUANG	P2	17-18	2	7		62	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC LINH	P2	10	1	6		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN HONG	P2	11	1	5		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

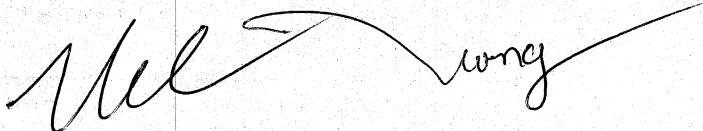
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	3	3	35	194	15	1		
2	BK4	4	4	28	276	15	4		
3	P2	14	15	89	983	60	17		
TOTAL		21	22	152	1.453	90	22		
WEIGHT KG				152	1.453	90			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/09/2022	TO: P3 - P8 - P11	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:05
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: TUYỀN - NPhú - QTrưởng	ETA: 13:45
TRANG-3			

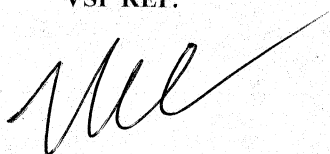
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN DANH LUẬT	P3	83-84	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN MINH	P3	77-78	2	18		59	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN BA QUY	P3	72-73	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
4	VÕ VĂN HOAI	P3	81	1	15	37	69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY PHÚ	P3	76	1	12		73	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC CUÔNG	P3	82	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
7	VU XUAN CHINH	P3	74	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI HONG SANG	P3	85	1	13	10	94	XAYLAP	Vietnamese
9	LY HUU THANG	P3	79-80	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN VIỆT	P3	75	1	6		71	GETRACO	Vietnamese
11	PHUNG HA TAI	P8	77-78	2	14		101	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU VĂN HAY	P8	76	1	10		84	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TUÂN	P8	75	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẠO AN TUÂN	P8	74	1	6		55	XAYLAP	Vietnamese
15	NGÔ TRUNG KIẾN	P8	79-80	2	18	45	76	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN NGỌC TUÂN ANH	P8	82-83	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUÂN	P8	81	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
18	THỊNH TUÂN HAI	P8	73	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN XUAN KHOA	P8	71-72	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẠO THIÊN THUẬT	P11	48	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỀN	P11					67	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG BẰNG	P11	47	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

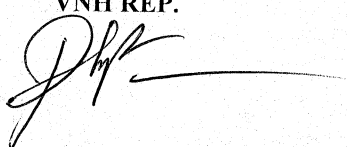
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	10	14	144	704	47	10		
2	P8	9	13	111	692	45	0		
3	P11	3	2	13	198	0	12		
TOTAL		22	29	268	1.594	92	22		
WEIGHT KG				268	1.594	92			

GRAND TOAL: 1.954 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	TO: P6 - BK19 - P9	CREW: CHIẾN - TRUÔNG - Vũ	ETA: 13:50
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VIỆT SƠN	P6	38	1	5	20	60	GETRACO	
2	VŨ NAM GIANG	P9	91	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH HIẾN	P9	81	1	13	10	80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ LĂNG TŨ	P9	92	1	10	30	65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	99	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRỊNH THÈ NHÃN	P9	89	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TIẾN PHƯƠNG	P9	94	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUY	P9	85	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HỮU TRI	P9	87	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	88	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH HUY KIỆM	P9					74	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	83-84	2	10		53	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ TUẤN MẠNH	P9	93	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	90	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	96-97	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN TUE	P9	700	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	P9	98	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI CÔNG THẮNG	P9	95	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HÙNG LONG	P9	80	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	1	1	5	60	20	1	3	CHUYEN 3 PAX P6-BK19
2	BK19	0	0	0	0	40	0		
3	P9	18	19	123	1.219	40	21		
TOTAL		19	20	128	1.279	100	22		
WEIGHT KG				128	1.279	100			

GRAND TOAL: 1.507 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN